

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 26/2023/DS-ST

Ngày: 19-7-2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ - TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Trung

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hạnh

2. Ông Võ Cư

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ* tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh – Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLST- DS ngày 12 tháng 01 năm 2023; về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 480/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 579/2023/QĐST-DS, ngày 29 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q;

Địa chỉ: Tầng z (tầng trệt) và tầng s, Tòa nhà Sailing Tower-000A Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thu H - Chức vụ: Giám đốc TTQLN NHBL 1- Khối NHBL - V (theo giấy ủy quyền số: 107064.22 ngày 03/10/2022 của TGD Ngân hàng TMCP Q)

Địa chỉ liên lạc: Tầng b, Tòa nhà Pax Sky- số 26 Ung Văn K, phường 25, quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng:

- Ông Nguyễn Hải T, ông Phạm T, ông Lê Huy T, ông Nguyễn Ngọc Ch –
Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q;

Cùng địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Pax Sky- số 26 Ung Văn K, phường 25, quận Bình Th, TP.Hồ Chí Minh; Có mặt ông Phạm T

2. Bị đơn:

- Ông Phạm Tấn E, sinh năm 1995

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Tấn E: Bà Võ Thị Ph - sinh năm 1970; Có mặt

- Bà Lê Thị A, sinh năm 1996

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố T, phường Phổ Th, thị xã ĐP, tỉnh QNg. Bà A vắng mặt lần thứ hai không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/11/2022, quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Q trình bày:

Ngày 30/8/2021, ông Phạm Tấn E, bà Lê Thị A ký Hợp đồng tín dụng số 7508165.21 với Ngân hàng Thương mại cổ phần Q- Chi nhánh QNg để vay số tiền 290.000.000 đồng (*Hai trăm chín mươi triệu đồng chẵn*) với mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh hải sản; Thời hạn vay: 11 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 09/8/2022; Lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 9,00%/năm chỉ được áp dụng ưu đãi trong 6 tháng đầu tiên từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nêu trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 3 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 2.6%/năm. Tính đến ngày 18/7/2023 ông Phạm Tấn E và bà Lê Thị A đã trả cho V số tiền 24.812.207 đồng (Trong đó nợ gốc: 0 đồng, nợ lãi 24.812.207 đồng). Hiện ông Phạm Tấn E và bà Lê Thị A còn nợ gốc, lãi tạm tính đến hết ngày 18/7/2023 là 328.469.953 đồng (trong đó nợ gốc: 290.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 40.728 đồng, nợ lãi quá hạn: 38.429.225 đồng)

Tài sản bảo đảm cho dư nợ tín dụng này gồm tài sản theo Hợp đồng thế chấp sau:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 36 thuộc phường Phổ Th, thị xã ĐP, tỉnh Quảng Ngãi; Diện tích: 49,2 m² đất ở nông thôn; được UBND huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 858391 cấp ngày 26/9/2017, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: CH.05816 cho ông Phạm Sĩ và bà Võ Thị P; cập nhật thay đổi chủ sở hữu cho ông Phạm Tấn E và bà Lê Thị A ngày 04/10/2017. Tài sản này đã thế chấp cho V theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 612.HDTC.406.18 ngày 03/10/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 612.1.HDTC.406.18 ngày 03/10/2018. Trong trường hợp phải xử lý quyền sử dụng đất, vợ chồng ông bà đồng ý xử lý luôn tài sản là nhà, công trình trên đất để trả nợ cho Ngân hàng.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Toà án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi buộc ông Phạm Tấn E và bà Lê Thị A có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc, lãi vay tính đến hết ngày 18/7/2023 là 328.469.953 đồng (trong đó nợ gốc: 290.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 40.728 đồng, nợ lãi quá hạn: 38.429.225 đồng); yêu cầu ông E, bà A tiếp tục trả lãi toàn bộ số tiền trên dư nợ gốc kể từ ngày 19/7/2023 theo Hợp đồng tín dụng số 7508165.21 ngày 30/8/2021 cho đến khi ông Phạm Tấn E, bà Lê Thị A trả xong khoản nợ trên. Trường hợp ông Phạm Tấn E, bà Lê Thị A không trả số tiền nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp, cụ thể như sau:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 36, diện tích: 49,2 m² thuộc xã Phổ Th, huyện ĐP, tỉnh QNg (nay là Phường Phổ Th, Thị xã ĐP, tỉnh QNg) theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 612.HDTC.406.18 ngày 03/10/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 612.1.HDTC.406.18 ngày 03/10/2018.

Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì ông Phạm Tấn E, bà Lê Thị A có trách nhiệm tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Yêu cầu ông Phạm Tấn E, bà Lê Thị A phải thanh toán lại cho Ngân hàng chi phí tố tụng mà Ngân hàng đã tạm ứng, tất toán xong với tổng số tiền là: 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2023 và tại phiên tòa bà Võ Thị P người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Tấn E trình bày: Bà P là mẹ ruột của Phạm Tấn E; vào năm 2021 Phạm Tấn E cùng vợ là Lê Thị A có vay của Ngân hàng

Thương mại cổ phần Q- Chi nhánh QNg số tiền 290.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn kinh doanh hải sản, thời hạn vay là 11 tháng, lãi suất cho vay là 9,00%/năm. Để đảm bảo khoản vay, vợ chồng ông E, bà A đã thế chấp thửa đất 172 tờ bản đồ số 36 phường Phổ Th cùng tài sản gắn liền trên thửa đất này. Sau khi vay vợ chồng ông E, bà A có trả cho ngân hàng V số tiền 24.812.207 đồng tiền lãi, chưa trả tiền vay gốc. Nhưng sau đó vợ chồng ông E, bà A làm ăn thua lỗ không có tiền trả nợ cho ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết. Hiện nay vợ chồng ông E, bà A còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền 328.469.953 đồng (trong đó nợ gốc: 290.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 40.728 đồng, nợ lãi quá hạn: 38.429.225 đồng tính đến ngày 18/7/2023); bà đại diện cho ông Phạm Tấn E thống nhất trả nợ cho ngân hàng như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trường hợp ông E, bà A không trả nợ cho Ngân hàng thì bà thống nhất giao tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa 172, tờ bản đồ số 36 phường Phổ Th, thị xã Đức Ph, tỉnh Q Ng cho Ngân hàng để xử lý phát mãi thu hồi nợ.

Tòa án nhân dân thị xã ĐP đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Lê Thị A nhưng bà A không có văn bản trình bày ý kiến đồng thời không đến Tòa án tham gia tố tụng theo qui định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã ĐP tại phiên tòa:

Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng pháp luật.

Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Lê Thị A chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định Luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông Phạm Tấn E, bà Lê Thị A phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ gốc, lãi vay là: 328.469.953 đồng (trong đó nợ gốc: 290.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 40.728 đồng, nợ lãi quá hạn: 38.429.225 đồng; lãi vay tính đến hết ngày 18/7/2023) và bị đơn tiếp tục trả lãi đối với số tiền trên dư nợ gốc kể từ ngày 19/7/2023 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7508165.21 ngày 30/8/2021 cho đến khi ông E, bà A trả xong khoản nợ trên. Trường hợp ông E, bà A không trả số tiền nêu trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Q khởi kiện bị đơn ông Phạm Tấn E, bà Lê Thị A cùng cư trú ở tổ dân phố T, phường Phổ Th, thị xã ĐP, tỉnh QNg. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã ĐP, tỉnh QNg.

[1.2] Về tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà A.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Xét Hợp đồng tín dụng số 7508165.21 ngày 30/8/2021 ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần Q và bị đơn ông Phạm Tấn E, bà Lê Thị A với số tiền vay là 290.000.000 đồng (*bằng chữ: Hai trăm chín mươi triệu đồng chẵn*) với mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh hải sản; Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa Ngân hàng TMCP Q và ông Phạm Tấn E, bà Lê Thị A đã xác lập hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại Điều 463, khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng; nội dung và mục đích hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc lập hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng trình tự của pháp luật về tín dụng ngân hàng. Vì vậy hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên tham gia ký kết hợp đồng.

[3.2] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc chưa thanh toán: Theo trình bày của đương sự và đối chiếu tài liệu nguyên đơn cung cấp có đủ căn cứ xác định: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q đã giải ngân cho bị đơn ông Phạm Tấn E, bà Lê Thị A nhận số tiền vay gốc theo Hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là 290.000.000 đồng. Trong quá trình vay ông Phạm Tấn E, bà Lê Thị A đã trả được 24.812.207 đồng nợ lãi, chưa trả nợ gốc. Tính đến hết ngày 18/7/2023, ông Phạm Tấn E, bà Lê Thị A còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ gốc là 290.000.000 đồng. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc 290.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chưa thanh toán: Từ khi vay cho đến nay ông E, bà A đã trả 24.812.207 đồng nợ lãi vay theo Hợp đồng tín

dụng số: 7508165.21 ngày 30/8/2021. Từ ngày 09/8/2022 ông E, bà A không trả lãi cho Ngân hàng; Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn lại sang nợ quá hạn. Nguyên đơn đã áp dụng nhiều biện pháp thông báo, đôn đốc nhưng bị đơn không trả tiền lãi trong nhiều tháng, nhiều kỳ liên tiếp và các bên không thoả thuận về việc gia hạn nợ hoặc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ. Ngân hàng đã chuyển phần dư nợ gốc đến hạn thanh toán của Hợp đồng tín dụng nhưng không được ông E, bà A thanh toán sang nợ quá hạn. Vì vậy tổng số tiền lãi tính đến hết ngày 18/7/2023 ông E, bà A chưa thanh toán cho Ngân hàng nợ lãi vay trong hạn là: 40.728 đồng, nợ lãi vay quá hạn là: 38.429.225 đồng. Ông E, bà A còn phải chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số: 7508165.21 ngày 30/8/2021 kể từ ngày 19/7/2023 cho đến khi thanh toán xong. Vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Xét các Hợp đồng thế chấp và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

[4.1] Về giá trị hiệu lực của Hợp đồng thế chấp:

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 612.HDTC.406.18 ngày 03/10/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 612.1.HDTC.406.18 ngày 03/10/2018: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 36 Phường Phổ Th, Thị xã ĐP, tỉnh QNg; Diện tích: 49,2 m² đất ở nông thôn là tài sản của ông Phạm Tấn E, bà Lê Thị A.

Các bên đương sự đều thừa nhận tại thời điểm thế chấp thửa đất thế chấp thuộc quyền sở hữu, quản lý, sử dụng hợp pháp của ông Phạm Tấn E, bà Lê Thị A. Xét thời điểm giao kết các Hợp đồng thế chấp, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện ký kết, nên các Hợp đồng thế chấp có giá trị pháp lý.

[4.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 36 thuộc Diện tích: 49,2 m² đất ở nông thôn theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 612.HDTC.406.18 ngày 03/10/2018 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 612.1.HDTC.406.18 ngày 03/10/2018. Các bên đương sự thống nhất đây là tài sản bảo đảm cho khoản vay tín dụng; trường hợp bị đơn không trả được nợ thì bị đơn đồng ý giao tài sản để Ngân hàng xử lý thu hồi nợ. Do đó Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp trên trong trường hợp bị đơn không trả được nợ là có căn cứ chấp nhận.

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nguyên đơn đã tạm ứng số tiền 3.000.000 đồng đã thanh toán xong nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận; buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 16.423.497 đồng (làm tròn số là 16.423.000 đồng)

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, các Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 299, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ các Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần Q. Buộc ông Phạm Tấn E, Lê Thị A phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền nợ gốc vay là: 290.000.000 đồng, nợ lãi vay trong hạn là: 40.728 đồng, nợ lãi vay quá hạn là: 38.429.225 đồng. Tổng cộng tiền vay gốc và lãi tính đến hết ngày 18/7/2023 là: 328.469.953 đồng (*Ba trăm hai mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn chín trăm năm mươi ba đồng*). Ông Phạm Tấn E, bà Lê Thị A tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 19/7/2023 trên số tiền dư nợ gốc còn lại theo Hợp đồng tín dụng số: 7508165.21 ngày 30/8/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Trường hợp ông Phạm Tấn E, bà Lê Thị A không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần Q có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp (*theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 612.HDTC.406.18 ngày 03/10/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số 612.1.HDTC.406.18 ngày 03/10/2018*) gồm:

+ Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 36 Phường Phổ Th, Thị xã Đức P, tỉnh QNg là tài sản của ông Phạm Tấn E, bà Lê Thị A

Nếu số tiền bán tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa số 172, tờ bản đồ số 36 phường Phổ Th lớn hơn khoản nợ phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q thì phần chênh lệch sẽ trả lại cho ông Phạm Tấn E, bà Lê Thị A.

Nếu số tiền bán tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng cổ phần Q thì ông Phạm Tấn E và bà Lê Thị A phải tiếp tục thanh toán phần còn thiếu cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q cho đến khi trả xong nợ.

3. Về án phí: Ông Phạm Tấn E và bà Lê Thị A cùng phải chịu 16.423.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.542.000 đồng (*Bảy triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai số 0004164 ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Phạm Tấn E và bà Lê Thị A phải hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q Ng;
- VKSND thị xã ĐP;
- Chi cục THADS thị xã ĐP;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Trung

